

Bản án số: 158/2024/HS-PT

Ngày: 26/8/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên toà:* Bà Ngô Thị Hà

- *Các thẩm phán:* Ông Phạm Trường Du

Bà Lê Thị Phương Thanh

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh thanh hóa tham gia phiên toà:* Ông Trần Huy Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 147/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 5 năm 2024, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 25/4/2024 của toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, theo quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử số 154/2024/QĐXXPT-HS ngày 05/7/2024. Các bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Hữu V - sinh năm 1976; Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; con ông Nguyễn Hữu Ý và bà Bùi Thị T; có vợ là Lê Thị B và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 30/8/2022, chuyển tạm giam ngày 08/9/2022 đến ngày 11/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Vũ Văn T1 - sinh năm 1993; Nơi ở hiện nay: Khu phố E, thị trấn S, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; con ông Vũ Văn T2 và bà Vũ Thị B1; có vợ là Nguyễn Thị G và có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 06/9/2022, chuyển tạm giam từ ngày 14/9/2022 đến ngày 11/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Lê Văn T3 - sinh năm 1987; Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; con ông Lê Đình O và bà Lê Thị

T4; có vợ là Lâm Thị H và có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ ngày 30/8/2022, chuyển tạm giam từ ngày 08/9/2022 đến ngày 11/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. **Lê Năng T5** - sinh năm 1990; Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; con ông Lê Năng H1 và bà Lê Thị X; có vợ là Lê Thảo L và có 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: không; có mặt.

5. **Nguyễn Văn Q** - sinh năm 1981; Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Văn hoá: 4/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Đỗ Thị Q1; có vợ là Nguyễn Thị N và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không; có mặt.

Có 08 bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 23/8/2022 đến ngày 30/8/2022, Nguyễn Hữu V với Lê Văn Thái T3 thống nhất với nhau: Thái sử dụng điện thoại nhận tin nhắn số lô, số đề của người chơi theo giá 1 điểm lô 22.000đ, giá đề 7.000đ/10.000đ (*tức là 70%*), lô xiên tính bằng giá đề, rồi chuyển lại cho V, theo giá 1 điểm lô 23.000đ, đề 8.000đ/10.000đ (*tức là 80%*), lô xiên tính bằng giá đề. T3 được hưởng chênh lệch 1.000đ/1 điểm lô, 1.000 đ/10.000đ tiền đề. T3 đã sử dụng điện thoại nhận tin nhắn mua số lô, số đề của khách chuyển cho V, sau đó V tổng hợp chờ kết quả mở thưởng để thanh toán tiền trúng thưởng cho T3 và T3 trả lại cho người chơi theo giá thỏa thuận mua số lô, số đề trong tin nhắn của người chơi.

Ngoài ra trong khoảng thời gian từ tháng 01/2022 đến ngày 30/8/2022, V đã trực tiếp đánh bạc bán lô đề, cá độ bóng đá với một số người khác. V sử dụng hai chiếc điện thoại di động để làm phương tiện thực hiện việc đánh bạc. T6 từng người mua lô đề, V thỏa thuận bán số lô từ 21.700đ, 21.800đ/01 điểm đến 22.000đ/ 01 điểm, V sử dụng điện thoại để tìm các kèo bóng đá diễn ra trong ngày trên mạng Internet nhắn tin đến người mua kèo. Nếu người chơi trúng thưởng thì V sẽ trực tiếp thanh toán cho người chuyển, người mua lô đề. Nếu người chơi không trúng thưởng, V sẽ được hưởng số tiền đó. Hàng ngày, người chơi lô đề sẽ nhắn tin qua tin nhắn SMS hoặc qua tài khoản zalo để V tập hợp và tổng hợp, tính toán thắng thua để trả thưởng vào ngày hôm sau.

Cách thức tính thắng thua của việc đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề như sau: Số lô, số đề khách mua của V, sẽ được so sánh với kết quả Xổ số kiến thiết Miền B mở thưởng hàng ngày: Số đề được so với hai số cuối của giải đặc biệt, nếu trúng người chơi sẽ được gấp 70 lần giá mua. Số lô được so với hai số

cuối của các giải, nếu trúng người chơi sẽ được 80.000đ một điểm lô. Lô xiên được so với hai số cuối của các giải, nếu trúng lô xiên bốn người chơi được gấp 100 lần giá mua, lô xiên ba được gấp 40 lần giá mua, lô xiên hai được gấp 10 lần giá mua. Nếu không trúng sẽ mất số tiền đã mua số lô, số đề; cá độ bóng đá, tùy từng trận tỷ lệ bàn thắng thua, hòa bằng 35 % - 100% số tiền mua kèo.

Từ 23/8/2022 đến ngày 30/8/2022, T3 nhận tin nhắn của Lê Năng T5 mua số lô, số đề sau đó chuyển cho V: Tổng số tiền đánh bạc giữa V và Năng T5 từ ngày 23 đến 30/8/2022 là 395.200.000đ trong đó số tiền T5 mua lô đề với V là 183.200.000đ và số tiền V phải trả thưởng cho T5 là 212.000.000đ, số tiền T5 đã thanh toán cho V là 152.600.000đ và V đã trả thưởng cho T5 là 144.000.000đ. Số tiền T3 được hưởng lợi là 15.520.000đ.

Ngày 27- 28/8/2022, T3 đã nhận tin nhắn của Dương Văn T7 mua số lô, số đề sáu đó chuyển cho V: Tổng số tiền giữa V và T7 các ngày 27 và 28/8/2022 là 32.950.000đ trong đó số tiền T7 mua với V là 16.950.000đ và số tiền V phải trả thưởng cho T7 là 16.000.000đ. Số tiền T3 được hưởng lợi là 1.400.000đ.

Ngoài ra V còn trực tiếp đánh bạc dưới hình thức lô đề, cá độ bóng đá với các đối tượng cụ thể như sau:

Từ 22/01/2022 - 02/6/2022, V đánh bạc với Nguyễn Hồng Q2: Tổng tiền trong 03 ngày là 661.620.000đ, trong đó số tiền Q2 mua là: 245.620.000đ, số tiền V trả thưởng là: 416.000.000đ.

Ngày 29 - 30/8/2022, V đánh bạc với Vũ Văn T1: Tổng số tiền trong ngày 29 và 30/8/2022 là 191.790.800đ trong đó số tiền Tài mua 137.890.800đ, số tiền V phải trả thưởng là 53.900.000đ.

Từ 27/8/2022 - 29/8/2022, V đánh bạc với Lại X: Tổng số tiền đánh bạc là 57.152.500đ trong đó số tiền H2 mua 35.352.500đ, số tiền V phải trả thưởng là 21.800.000đ.

Từ 06/6/2022 -10/6/2022, V đánh bạc với Trịnh Đức P: Tổng số tiền P mua lô đề trong các ngày 06/6/2022, ngày 09/6/2022 và 10/6/2022 là 10.010.000đ. Số tiền V phải trả thưởng là 8.300.000 đồng. Tổng tiền đánh bạc 18.310.000đ.

Ngày 02/7/2022, V đánh bạc với Nguyễn Văn Q dưới hình thức cá độ bóng đá: Tổng số tiền trong 04 trận là: 26.500.000đ. Trong đó số tiền Q tham gia cá độ là 23.000.000đ, số tiền của V phải trả thưởng là 3.500.000đ.

Từ 19/8/2022 - 21/8/2022 V đánh bạc với Lê Văn T8: Tổng số tiền T8 mua lô đề ngày 19/8/2022 và ngày 21/8/2022 là 4.600.000đ. Tổng số tiền V trả thưởng trong các ngày 19/8/2022 và 21/8/2022 là 8.000.000đ.

Ngày 07/6/2022, V đánh bạc với Đậu Xuân V1: Số tiền đề V1 mua lô đề là 3.590.000đ. Vương trúng thưởng 3.200.000đ. Tổng số tiền đánh bạc giữa V1 và V là: 6.790.000đ.

Ngày 09/4/2022, V đánh bạc với Lê Đăng T9 với tổng số tiền mua lô, đề là: 1.528.000đ. T9 trúng thưởng 4.000.000đ. Tổng số tiền đánh bạc 5.528.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2024/HS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa đã tuyên các bị cáo Nguyễn Hữu V, Lê Văn T3, Vũ Văn T1, Lê Năng T5 và Nguyễn Văn Q phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; các điểm u, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58BLHS đối với V. Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 BLHS đối với T3. Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 BLHS đối với T5 và T1. Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58BLHS, đối với Q.

Xử phạt: Bị cáo V 45 tháng tù. Các bị cáo T3, T5 và T1 mỗi bị cáo 36 tháng tù. Bị cáo Q 09 tháng tù. Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt tù, hình phạt bổ sung, tịch thu số tiền dùng vào việc đánh bạc; về xử lý vật chứng; nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/5/2024 các bị cáo V, T1, T3, Lê Năng T5 và Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Các bị cáo nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đề nghị chấp nhận xem xét.

Tại cấp phúc thẩm các bị cáo V không có tình tiết giảm nhẹ mới; các bị cáo còn lại đều giao nộp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, tuy nhiên căn cứ mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo, đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo V và T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T3 và Lê Năng T5 sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo T3 và T5 mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Q, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hình thức:* Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu V, Vũ Văn T1, Lê Văn T3, Lê Năng T5 và Nguyễn Văn Q nộp trong thời hạn luật định hợp lệ, được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Về hành vi phạm tội*: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình về hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức mua bán số lô, số đề, được thua bằng tiền cụ thể:

Trong một số ngày từ tháng 01/2022 đến 30/8/2022, V, T1, T3, T5 và Q đã sử dụng điện thoại di động làm phương tiện liên lạc để nhắn tin chuyển các số lô, đề để đánh bạc trực tiếp với nhau, cụ thể:

- V và T3: T3 nhận tin nhắn của Năng T5 và T7 rồi chuyển cho V, để V tổng hợp thắng thua và đưa tiền cho T3 thanh toán cho T5 và T7, cụ thể: T3 nhận tin nhắn chuyển giúp cho V đánh bạc với Năng T5: Tổng số tiền từ ngày 23 đến 30/8/2022 là 395.200.000đ, (trong đó 183.200.000đ tiền đánh bạc, 212.000.000đ tiền thắng bạc); T3 nhận tin nhắn chuyển giúp cho V đánh bạc với T7: Tổng số tiền đánh bạc trong ngày 27, 28/8/2022 là 32.950.000đ (16.950.000đ tiền đánh, 16.000.000đ tiền thắng).

- Q2 và V: Ngày 22/01/2022 là 20.360.000đ. Ngày 29/5/2022 là 613.640.000đ. Ngày 02/6/2022 là 27.620.000đ. Tổng số tiền là 661.620.000đ (245.620.000đ tiền đánh, 416.000.000đ tiền thắng).

- T1 và V: Ngày 29/8/2022 là 94.713.200đ. Ngày 30/8/2022 là 97.077.600đ. Tổng số tiền là 191.790.800đ (137.890.800đ tiền đánh, 53.900.000đ tiền thắng)

- Lê Năng T5 và V: Từ ngày 23 đến 30/8/2022, Lê Năng T5 đánh bạc với V 8 lần đều trên 5.000.000đ trong đó có 3 lần trên 50.000.000đ, tổng số tiền đánh bạc của 8 lần là 395.200.000đ (183.200.000đ tiền đánh, 212.000.000đ tiền thắng).

- Quyền và V: Ngày 02/7/2022 Quyền cá độ 04 trận bóng đá: Trận thứ nhất 8.500.000đ, trận thứ hai 6.000.000đ, trận thứ ba 7.000.000đ và trận thứ tư là 5.000.000đ. Tổng số tiền đánh bạc là 26.500.000đ (23.000.000đ tiền đánh, 3.500.000đ tiền thắng).

Ngoài ra bị cáo V còn đánh bạc với các bị cáo khác trong vụ án. Tổng số tiền đánh bạc bị cáo phải chịu TNHS là 1.408.000.000đ. Bị cáo Lê Văn T3 giúp sức cho V trong việc thực hiện hành vi đánh bạc giữa V và các bị cáo khác trong vụ án với tổng số tiền là 428.150.000đ, T3 được hưởng lợi từ việc giúp sức này là: 13.770.000đ.

Do đó, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xét xử đối với các bị cáo V, T1, T3 và Lê Năng T5 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 2 Điều 321 BLHS. Quyền về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là đúng pháp luật.

[3] *Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo*: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an chung nên cần phải xử lý nghiêm minh để giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Các bị cáo đều nhận thức được việc đánh bạc bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý phạm tội. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vị trí, vai trò của bị cáo trong vụ án; xem xét đầy đủ các tình tiết về nhân

thân, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt các bị cáo theo quyết định tại bản án sơ thẩm là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo V không có tình tiết giảm nhẹ mới; giữ vai trò đầu trong vụ án, phạm tội với số tiền lớn; bị cáo T1 tự nguyện nộp số tiền: 30.000.000đ, tuy nhiên việc cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 36 tháng tù đã là nhẹ, ở mức thấp nhất của khung hình phạt vì vậy không có căn cứ xem xét chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo V và T1.

Bị cáo T3 có thành tích giúp cơ quan điều tra phát hiện người phạm tội; có bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ tham gia quân ngũ, dân công hỏa tuyến phục vụ cách mạng; tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả. Bị cáo Lê Năng T5 sau khi phạm tội đã ra đầu thú; có bố đẻ tham gia quân ngũ bảo vệ tổ quốc; có bác ruột là người có công với cách mạng; bản thân tích cực tham gia các phong trào thiện nguyện; tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo T3, Lê Năng T5 và Q có tình tiết giảm nhẹ mới: bị cáo T3 tích cực tham gia CLB thiện nguyện sức trẻ, trong vụ án bị cáo phạm tội chỉ với vai trò giúp sức với số tiền hưởng lợi ít. Bị cáo Lê Năng T5 tự nguyện nộp số tiền 74.800.000đ, ngoài ra tại công văn số 287/GXN-ĐBP ngày 03/7/2024 của đồn biên phòng S có xác nhận T5 có công hợp tác giúp đồn biên phòng S phát hiện bắt giữ tội phạm thực hiện hành vi tàng trữ ma túy. Vì vậy, cần áp dụng Điều 54 BLHS giảm cho các bị cáo T3 và T5 một phần hình phạt và xử phạt các bị cáo mức án dưới khung hình là phù hợp. Bị cáo Q có chứng nhận của Trung tâm T10 đã có nhiều đóng góp trong các hoạt động thiện nguyện, số tiền phạm tội ít, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 BLHS cho hưởng án treo, cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương là phù hợp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] *Về án phí phúc thẩm*: Bị cáo V và T1 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí HSPT.

Bị cáo T3, Lê Năng T5 và Q kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí HSPT.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu V và Vũ Văn T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 25/04/2024 Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn T3 và Lê Năng T5 sửa bản án sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 25/04/2024 Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, giảm mức hình phạt cho các bị cáo T3 và T5.

- Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q, sửa bản án sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 25/04/2024 Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo Q được hưởng án treo.

Áp dụng: - Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; các điểm u, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 BLHS đối với V.

- Điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 BLHS đối với T1.

- Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 và Điều 54 BLHS đối với T3.

- Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 và Điều 54 BLHS đối với Lê Năng T5.

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 BLHS đối với Q.

Điểm b khoản 2 Điều 23 (đối với V và T1); Điều khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 (đối với T3, T5 và Q)

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hữu V, Vũ Văn T1, Lê Văn T3, Lê Năng T5, và Nguyễn Văn Q phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: 1. Bị cáo Nguyễn Hữu V 45 (bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2022 đến ngày 11/01/2023. Phạt bổ sung 20.000.000đ.

2. Bị cáo Vũ Văn T1 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/9/2022 đến ngày 11/01/2023.

3. Bị cáo Lê Văn T3 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ tạm giam từ ngày 30/8/2022 đến ngày 11/01/2023. Phạt bổ sung 20.000.000đ.

4. Bị cáo Lê Năng T5 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung 20.000.000đ.

5. Bị cáo Nguyễn Văn Q 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung 10.000.000đ.

Giao bị cáo Q cho Ủy ban nhân xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo

thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Các bị cáo V và T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSPT. Các bị cáo T3, Lê Năng T5 và Q không phải chịu án phí HSPT.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND huyện Ngọc Lặc;
- Công an huyện Ngọc Lặc;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Thị Hà